

# Đánh giá thực trạng nhu cầu tập luyện môn Khiêu vũ thể thao vào giờ học thể dục tay không cho sinh viên Đại học Huế

Phạm Thị Mai, Nguyễn Đăng Hòa, Nguyễn Khắc Trung  
Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Mậu Hiển, Nguyễn Văn Tuấn

ThS. Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế

Received: 28/12/2023; Accepted: 08/01/2024; Published: 16/01/2024

**Abstract:** By the method of regular scientific research in sports, especially through the teaching and research process, the project has evaluated the current state of facilities serving the teaching of bare-knuckle and practical gymnastics, status of teaching staff, status of teaching content in bare-knuckle gymnastics, status of need for practicing dance sports, status of interest and motivation in learning bare-knuckle gymnastics for students Non-specialist - Hue University.

**Keywords:** Evaluation, current situation, Dance sports, Bare-handed gymnastics, Hue University.

## 1. Đặt vấn đề

Môn thể dục tay không không chỉ là một phần quan trọng trong chương trình giảng dạy mà còn là một trải nghiệm học tập thú vị và đa dạng. Đối với sinh viên không chuyên, việc tích hợp môn khiêu vũ thể thao vào giờ học thể dục tay không đặt ra nhiều thách thức và cơ hội mới. Trong bối cảnh mà sự đa dạng ngành học tại Đại học Huế mang lại, việc đáp ứng nhu cầu tập luyện môn khiêu vũ thể thao cho sinh viên không chuyên đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo. Làm thế nào chương trình giảng dạy có thể kết hợp giữa yếu tố thể thao và môn thể dục tay không để tạo ra một trải nghiệm học tập tích cực và đồng thời đáp ứng được mong muốn tập luyện của sinh viên?

Qua điều tra và khảo sát thực trạng, đồng thời tìm hiểu nhu cầu tập luyện của sinh viên không chuyên Đại học Huế, từ đó lựa chọn ra các bài tập khiêu vũ thể thao hợp lý để xen kẽ vào trong giảng dạy môn TDTK, tạo nên sự hứng thú và động lực trong học tập cũng như tập luyện của sinh viên để các em hoàn thành tốt mục tiêu chương trình môn học GDTC là rất cần thiết. Vì vậy, chúng tôi mạnh dạn nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu lựa chọn và ứng dụng bài tập khiêu vũ thể thao vào giờ học môn thể dục tay không cho sinh viên không chuyên Đại học Huế”.

Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn tọa đàm, quan sát sư phạm, thực nghiệm sư phạm, điều tra xã hội học và toán học thống kê.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đánh giá thực trạng, nhu cầu tập luyện môn

### Khiêu vũ thể thao vào trong giờ học TDTK cho sinh viên Đại học Huế.

#### 2.1.1. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy môn TDTK tại Khoa GDTC – Đại học Huế.

Môn thể dục tay không tại Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Huế đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện của sinh viên, không chỉ là nơi truyền đạt kiến thức mà còn là địa điểm tạo ra trải nghiệm thể thao tích cực. Tuy nhiên, để thực hiện giáo dục thể chất hiệu quả, cơ sở vật chất đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình giảng dạy và tập luyện. Việc đánh giá chính xác về thực trạng cơ sở vật chất và đề xuất các phương hướng cải thiện nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và tạo ra môi trường thể chất lý tưởng cho sự phát triển của sinh viên tại Khoa GDTC - Đại học Huế.

Hiện tại, Khoa GDTC - Đại học Huế đang đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm thiếu điểm cố định cho môn thể dục tay không, sự tận dụng giới hạn không gian và ảnh hưởng của thời tiết. Thiếu điểm cố định tạo ra khó khăn trong tổ chức buổi giảng dạy và tập luyện, trong khi sự tận dụng giới hạn không gian có thể gây xung đột lịch trình và giảm chất lượng hoạt động. Đặc biệt, thời tiết xấu còn làm gián đoạn sự liên tục của quá trình giảng dạy và tập luyện, ảnh hưởng đến tính liên tục và hiệu suất. Để cải thiện tình hình, đề xuất thiết lập điểm cố định và sử dụng không gian linh hoạt, đồng thời xem xét các giải pháp ứng phó với thời tiết xấu.

#### 2.1.2. Thực trạng đội ngũ Giảng viên làm công tác giảng dạy tại Khoa GDTC – Đại học Huế.

Qua nghiên cứu khảo sát về đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa GDTC giảng dạy GDTC cho sinh viên không chuyên - Đại học Huế kết quả được thể hiện ở bảng 2.1

**Bảng 2.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ giảng viên giảng dạy tại khoa GDTC- Đại học Huế**

Chỉ số	Tuổi				Giới tính		Trình độ		
	<30	30-40	41-50	>50	Nam	Nữ	TS	Th.S	CN
Số lượng	0	35	8	7	39	11	8	37	5
Tỷ lệ %	0	70	16	14	78	22	16	74	10

Qua bảng 2.1 cho thấy có 100% cán bộ Giảng viên tốt nghiệp chuyên ngành TĐTT trở lên, ở trình độ cử nhân là 5 người chiếm 10%, có 8 tiến sĩ chiếm tỷ lệ 16% và 37 thạc sĩ chiếm tỷ lệ 74%. Trong tổng số 50 giảng viên với lực lượng đang trẻ có độ tuổi dưới 30 là 0 người chiếm tỷ lệ 0 %, có 35 người độ tuổi từ 30-40 chiếm 70%, có 08 người ở độ tuổi 41-50 chiếm tỷ lệ 16 % và có 07 giảng viên lớn hơn 50 tuổi chiếm tỷ lệ 14%. Hơn nữa lại có số lượng giảng viên nam lớn 39 người chiếm 78%, trong khi tỷ lệ của giảng viên nữ là 11 người chiếm tỷ lệ 22 %.

**2.1.3. Thực trạng nội dung giảng dạy môn TĐTK cho sinh viên tại Khoa GDTC – Đại học Huế.**

Để có cơ sở cho việc nghiên cứu các mục tiêu của đề tài chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng nội dung giảng dạy môn TĐTK cho sinh viên Đại học Huế. Thể hiện qua bảng 2.2

**Bảng 2.2. Tỷ lệ thời gian giảng dạy nội dung thực hành môn TĐTK cho sinh viên Đại học Huế**

TT	Nội dung	Phân phối chương trình	Kế hoạch thực hiện																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
<b>I</b>	<b>Nhập môn</b>	<b>2</b>																		
1	Cơ sở khoa học của GDTC	1	1																	
2	Giới thiệu môn học. Vai trò của thể dục dụng cụ trong rèn luyện sức khỏe. Chấn thương và đề phòng chấn thương trong luyện tập thể dục.	1	1																	
<b>II</b>	<b>Thể dục tay không</b>	<b>28</b>																		
1	Học từ động tác 1 đến động tác 10.	2		2																
2	Ôn 10 động tác đã học, học mới từ động tác 11 đến động tác 20.	2			2															
3	Ôn 20 động tác đã học	2				2														
4	Ôn 20 động tác đã học, học mới động tác 21 đến động tác 25.	2					2													
5	Ôn 25 động tác đã học, học mới động tác 26 đến động tác 30.	2						2												
6	Ôn 30 động tác đã học	2							2											
7	Kiểm tra giữa học phần	2								2										
8	Học động tác 31 đến động tác 35.	2									2									
9	Ôn 35 động tác đã học, học mới từ động tác 36 đến động tác 40.	2										2								
10	Ôn 40 động tác đã học, học mới từ động tác 41 đến động tác 45.	2											2							
11	Ôn 45 động tác đã học, học mới từ động tác 46 đến động tác 50.	2												2						
12	Ôn tập và nâng cao chất lượng toàn bộ bài tập	6															2	2	2	

**2.1.4. Thực trạng kết quả học tập môn TĐTK của sinh viên Đại học Huế.**

Để đánh giá một cách khách quan về sự hứng thú và động lực trong học tập môn TĐTK có và không có đan xen môn KVTT vào trong giờ học TĐTK cho sinh viên Đại học Huế, chúng tôi mạnh dạn tiến hành tìm hiểu thực trạng kết quả học tập môn TĐTK của sinh viên không – Đại học Huế học kỳ 1 năm học 2022 -2023, kết quả được thể hiện ở bảng 2.3

**Bảng 2.3: Kết quả học tập môn TĐTK của sinh viên Đại học Huế năm học 2022 – 2023 ( n= 400).**

Điểm	Số lượng	Tỷ lệ %
10	0	0
9	22	5,5
8	71	17,75
7	83	20,75
6	105	26,25
5	65	16,25
4	35	8,75
3	12	3
2	0	0
1	0	0
0	7	1,75

Qua bảng 2.3 ta nhận thấy rằng. Điểm Cao: Tỷ lệ cao ở khoảng điểm từ 8 đến 10, với điểm 6 chiếm đa số (26.25%).

Điểm Trung Bình: Tỷ lệ khá đồng đều ở khoảng điểm từ 5 đến 7, với điểm 7 chiếm tỷ lệ cao nhất (20.75%).

Điểm Thấp: Tỷ lệ thấp ở điểm dưới 5, đặc biệt điểm 0 và 1 chiếm tỷ lệ thấp nhất (1.75%).

**2.1.4. Thực trạng nhu cầu học tập môn khiêu vũ thể thao đan xen vào giờ học TDTK cho sinh viên Đại học Huế.**

Để có cơ sở của việc giải quyết mục tiêu của đề tài chúng tôi đã tiến hành quan sát sự phạm và tìm hiểu nhu cầu tập luyện môn KVTT xen kẽ vào các giờ học TDTK của sinh viên Đại học Huế, kết quả thu được trình bày ở bảng 2.4.

*Bảng 2.4. Nhu cầu học tập môn khiêu vũ thể thao đan xen vào giờ học TDTK cho sinh viên Đại học Huế (n = 200).*

TT	Mức độ ảnh hưởng	Có	Tỷ lệ %	Không	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>Động lực yêu thích</b>	1. Do tính chất môn KVTT hấp dẫn, cuốn hút.	180	90	20	10	
	2. Phù hợp với sở trường của cá nhân	120	60	80	40	
	3. Có giảng viên và bạn bè khuyến khích	150	75	50	35	
	4. Cần thiết cho hoạt động trong cuộc sống hàng ngày	190	95	10	5	
<b>Yếu tố hạn chế</b>	1. Môn KVTT khó tiếp thu	75	37,5	125	62,5	
	2. Năng lực cá nhân không phù hợp	80	40	120	60	
	3. Thiếu phương tiện thiết bị cho tập luyện	74	32	136	68	
	4. Thiếu điều kiện đầu tư tập luyện thêm của gia đình	90	45	120	55	
<b>Mục đích tập luyện</b>	1. Tập để rèn luyện sức khỏe	185	92,5	15	7,5	
	2. Tập để biết	190	90	10	10	

Qua bảng 2.4: Cho thấy động lực yêu thích của người tập luyện về môn KVTT cao (60%) trở lên, môn KVTT này phù hợp với sở trường cá nhân của người tập; được giảng viên, gia đình và bạn bè hướng dẫn, khuyến khích và ủng hộ. Sự nhận thức của người tập yêu thích môn KVTT này là rất cao, người tập đã nhận thức được sự cần thiết của môn KVTT này đối với sức khỏe và công việc cuộc sống hàng ngày.

**3. Kết luận**

Đánh giá thực trạng, nhu cầu tập luyện môn Khiêu vũ thể thao vào trong giờ học TDTK cho sinh viên Đại học Huế thông qua các mặt, thực trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy môn TDTK, thực trạng đội ngũ Giảng viên giảng dạy, thực trạng nội dung giảng dạy môn TDTK, thực trạng nhu cầu tập luyện môn KVTT, thực trạng sự hứng thú và động lực trong học tập môn TDTK cho sinh viên không chuyên - Đại học Huế.

**Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Tú Hương (2007), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
2. Nguyễn Thụy Loan (2007), *Giáo trình lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam*, NXB Đại học sư phạm.
3. Vũ Thanh Mai, Nguyễn Kim Xuân, Đinh Khánh Thu, Phạm Tuấn Dũng, Lưu Thế Sơn, Nguyễn Hữu Hùng, Nguyễn Văn Hiếu (2011), *Khiêu vũ thể thao*, NXB Thể thao, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Sơn, Giao Thị Kim Đông, Th.S Nguyễn Thị Hùng (2013), *Giáo trình toán thống kê*, NXB Thông tin và Truyền thông.
5. Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh (2011), *Giáo trình khiêu vũ thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
6. Tô Vũ (2002), *Âm nhạc Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
7. Ji, Hualin. "Application of Functional Training in Sports Dance Training." *Journal of environmental and public health* vol. 2022 8695535. 28 Aug. 2022.
8. Feng, Hua et al. "Automatic Arrangement of Sports Dance Movement Based on Deep Learning." *Computational intelligence and neuroscience* vol. 2022 9722558. 10 Feb. 2022.
9. Liu, Xiuxia et al. "Partnership between Chinese Dance Sport Couples: A Consensual Qualitative Research Analysis." *International journal of environmental research and public health* vol. 19,22 15369. 21 Nov. 2022